

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC MĨ THUẬT CHO HỌC SINH LỚP 6 TRONG DẠY HỌC MĨ THUẬT

Nguyễn Thị Hồng Thắm,
Phạm Đình Bình⁺,
Phạm Thị Nụ

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: binhpd@hnue.edu.vn

Article history

Received: 03/01/2024

Accepted: 31/01/2024

Published: 05/3/2024

Keywords

Artistic competency, artistic competency assessment, assessment tools, Fine Arts teaching, secondary education level

ABSTRACT

Testing and assessment is an essential aspect of the education process, contributing to the implementation of competency-based innovation of the general education program. In order to conduct an accurate, timely and significant assessment of artistic competence for 6th graders, the researchers have designed a number of artistic competency assessment tools for formative and summative assessment. The assessment tools proposed in the article along with the standards for evaluating artistic competency can be flexibly applied into testing and assessment, as well as organizing art teaching in order to meet requirements of the 2018 General Education Curriculum for Fine Arts.

1. Mở đầu

Đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) theo định hướng phát triển năng lực (NL) HS đã đặt ra yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá. Đánh giá NL HS đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục. Đánh giá NL nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, NL và sự tiến bộ của từng HS; giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp.

Năng lực mỹ thuật (NLMT) thuộc NL thẩm mỹ là một trong 10 NL cốt lõi cần phát triển cho HS theo CTGDPT 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018a). Đánh giá NLMT cần phù hợp với mục tiêu giáo dục, yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học, coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS trong học tập và những tình huống khác nhau. Để đánh giá hiệu quả NLMT cần sử dụng công cụ đánh giá tin cậy, đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác và phân hóa; kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức đánh giá. Xây dựng công cụ đánh giá NLMT cho HS phổ thông là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết nhằm đo lường và đánh giá khả năng quan sát, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ của HS, giúp GV và nhà trường hiểu rõ hơn về tiến bộ và nhu cầu học tập của HS trong lĩnh vực nghệ thuật, từ đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện của HS trong môi trường giáo dục.

Bài báo đề xuất chuẩn đánh giá NLMT, nguyên tắc, quy trình đánh giá và xây dựng một số công cụ đánh giá NLMT cho HS lớp 6 nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cấu trúc năng lực mỹ thuật, đánh giá năng lực mỹ thuật, công cụ đánh giá năng lực mỹ thuật

Trong CTGDPT 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018b), NLMT gồm 3 NL thành phần: (1) *NL quan sát và nhận thức thẩm mỹ*: Khả năng nhận biết được những yếu tố thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật thị giác; Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ, biết được ý tưởng thẩm mỹ, giá trị của các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, đồng thời liên hệ được thực hành sáng tạo mỹ thuật; (2) *NL sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ*: Khả năng nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ, lựa chọn được hình thức thực hành sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ; Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo; Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo; Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo; Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập; Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống; (3) *NL phân tích và đánh giá thẩm mỹ*: Khả năng phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ; Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật; Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lý tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn. Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lý tạo hình; Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

Đánh giá NLMT sẽ dựa trên đánh giá 3 NL thành phần của NLMT căn cứ theo yêu cầu cần đạt trong CTGDPT môn Mĩ thuật 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018b). Chúng tôi cho rằng, đánh giá NLMT là quá trình hình thành những nhận định, kết luận về NLMT của người học dựa trên cơ sở thông tin đã thu thập được một cách có hệ thống trong quá trình dạy học mĩ thuật để từ đó đưa ra các quyết định nhằm cải thiện, phát triển quá trình dạy học.

Theo các tác giả Trần Kiều và cộng sự (2016): Trong đánh giá nói chung và đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông nói riêng, “công cụ” đánh giá được hiểu là các phương pháp, phương tiện và kĩ thuật được sử dụng trong suốt quá trình nhằm đạt được các mục đích đánh giá. Tính năng cơ bản của các công cụ đánh giá là thu thập thông tin để cung cấp cho GV và HS trong quá trình đánh giá và tự đánh giá. Nội dung đánh giá được thể hiện trong các bộ công cụ. Tùy thuộc vào mục tiêu và đặc trưng của các hoạt động giáo dục - dạy học mà GV có thể lựa chọn những loại công cụ đánh giá khác nhau. Chúng tôi cũng thống nhất với khái niệm trên và cho rằng, công cụ đánh giá NLMT là các phương tiện hoặc quy trình được sử dụng để thu thập thông tin, nội dung cần đánh giá của NLMT trong quá trình dạy học thực hiện mục tiêu, yêu cầu đánh giá theo CTGDPT môn Mĩ thuật.

2.2. Nguyên tắc, quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực mĩ thuật

2.2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực mĩ thuật

Trên cơ sở nghiên cứu lí thuyết về dạy học mĩ thuật (Nguyễn Thị Hồng Thắm và cộng sự, 2022), cấu trúc và các thành tố của NLMT (Bộ GD-ĐT, 2018b), các hình thức đánh giá NLMT và cơ sở thực tiễn về thực trạng đánh giá NLMT ở phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2022), chúng tôi đề xuất 4 nguyên tắc xây dựng bộ công cụ đánh giá NLMT cho HS lớp 6: (1) Đảm bảo tính hệ thống, tính chính xác, khoa học trong việc đánh giá NLMT cho HS; (2) Thể hiện các yêu cầu cần đạt được xác định trong nội dung môn Mĩ thuật lớp 6 nói riêng và tuân thủ các văn bản quy định hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá ở THCS; (3) Các công cụ đánh giá cần phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí và đặc trưng ngôn ngữ tạo hình của HS lớp 6; (4) Các công cụ đánh giá cần đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả và khả thi khi thực hiện.

2.2.2. Quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực mĩ thuật

Tiếp cận các tài liệu (Bộ GD-ĐT, 2020) và các nghiên cứu của Nguyễn Công Khanh và Đào Thị Oanh (2016), Trịnh Thúy Giang và cộng sự (2023), chúng tôi xây dựng một số công cụ khác nhau cho cả hai hình thức đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, vì vậy, các bước mà chúng tôi xác định dưới đây không vận dụng rập khuôn cho tất cả các bộ công cụ. Tùy đặc điểm, mục đích của mỗi công cụ, các bước này có thể có những thay đổi cần thiết để thuận lợi cho GV khi vận dụng. Các bước xây dựng bộ công cụ gồm: - *Bước 1: Xác định mục đích đánh giá*: tùy thuộc vào thời điểm đánh giá thường xuyên hay định kì để xác định mục đích đánh giá cho phù hợp. Đánh giá NLMT có thể có thể đánh giá từng NL thành phần hoặc đánh giá chung NLMT; - *Bước 2: Xác định chuẩn đánh giá*, gồm các tiêu chí và mức độ biểu hiện về NLMT của HS để làm cơ sở đánh giá NLMT; - *Bước 3: Xây dựng công cụ đánh giá NLMT*; - *Bước 4: Thử nghiệm bộ công cụ đánh giá và chỉnh sửa, hoàn thiện các công cụ*.

2.3. Đề xuất Bộ công cụ đánh giá năng lực mĩ thuật

2.3.1. Xây dựng chuẩn năng lực mĩ thuật của học sinh lớp 6

Có 3 mức đối với mỗi NL thành phần của NLMT theo cấp độ tăng dần: Mức đạt (M1), Mức khá (M2), Mức tốt (M3); trong đó, mức cao hơn đã bao gồm các yêu cầu ở mức thấp hơn liền kề (Bạch Ngọc Diệp, 2023). Chúng tôi xác định chuẩn NLMT của HS lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018 như sau:

Bảng 1. Chuẩn NLMT của HS lớp 6

Thành phần NL	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá
Quan sát và Nhận thức thẩm mĩ	Xác định được nội dung chủ đề.	M1 Xác định được nội dung chủ đề. M2. Trình bày được ý tưởng nội dung chủ đề. M3. Lựa chọn được nội dung chủ đề.
	Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc.	M1. Nêu được một vài đặc điểm cơ bản của thể loại Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc. M2. Chỉ ra được đặc điểm cơ bản thể loại Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc. M3. Phân tích được đặc điểm cơ bản của thể loại Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc trên sản phẩm mĩ thuật.
	Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.	M1. Chỉ được nguyên lí <i>cân bằng, tương phản</i> trên sản phẩm mĩ thuật. M2. Phân tích được nguyên lí tạo hình cân bằng, tương phản trên sản phẩm mĩ thuật. M3. Phân tích được hiệu quả của nguyên lí tạo hình cân bằng, tương phản tạo nên vẻ đẹp của sản phẩm mĩ thuật.
	Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.	M1. Nêu được một số bước thực hành, sáng tạo sản phẩm mĩ thuật. M2. Nêu được đầy đủ các bước thực hành, sáng tạo sản phẩm mĩ thuật. M3. Trình bày được những lưu ý trong các bước thực hành tạo sản phẩm.

Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ	Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.	M1. Lựa chọn và thể hiện được một số hình ảnh di sản văn hóa nghệ thuật trên sản phẩm mỹ thuật. M2. Lựa chọn và thể hiện được một số hình ảnh di sản văn hóa nghệ thuật phù hợp với ý tưởng tạo hình trên sản phẩm mỹ thuật. M3. Lựa chọn và thể hiện được một số hình ảnh di sản văn hóa nghệ thuật phù hợp với ý tưởng, tạo giá trị thẩm mỹ cho sản phẩm mỹ thuật.
	Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.	M1. Thể hiện được việc sử dụng một số yếu tố tạo hình và nguyên lí <i>cân bằng, tương phản</i> trên sản phẩm mỹ thuật. M2. Thể hiện được việc sử dụng yếu tố tạo hình và nguyên lí cân bằng, tương phản phù hợp trên sản phẩm mỹ thuật. M3. Thể hiện được việc sử dụng yếu tố tạo hình và nguyên lí cân bằng, tương phản trên sản phẩm mỹ thuật, tạo được tính thẩm mỹ cho sản phẩm.
	Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo.	M1. Sử dụng được một số chất liệu trong thực hành sáng tạo sản phẩm. M2. Sử dụng được chất liệu phù hợp với ý tưởng sáng tạo sản phẩm mỹ thuật. M3. Sử dụng được chất liệu phù hợp với ý tưởng sáng tạo, tạo được sản phẩm mỹ thuật có tính thẩm mỹ.
	Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.	M1. Chia sẻ được ý tưởng ứng dụng phẩm vào thực tế cuộc sống. M2. Ứng dụng được sản phẩm tạo ra vào thực tế cuộc sống. M3. Trình bày được mục đích và tính ứng dụng của sản phẩm vào cuộc sống.
Phân tích và đánh giá thẩm mỹ	Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm	M1. Nhận xét, đánh giá được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình thể hiện trên sản phẩm cá nhân/nhóm. M2. Trao đổi, trình bày được ý kiến về sản phẩm mỹ thuật của cá nhân/nhóm. M3. Chia sẻ được quan điểm riêng về sản phẩm mỹ thuật của cá nhân/nhóm.
	Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.	M1. Trao đổi được một số thông tin chính về tác giả, tác phẩm. M2. Chia sẻ được hiểu biết cá nhân về tác giả, tác phẩm. M3. Đặt được câu hỏi, trả lời và trao đổi được thông tin về tác giả, tác phẩm.
	Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mỹ thuật.	M1. Chỉ ra được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình của tác phẩm nghệ thuật theo cảm nhận riêng. M2. Phân tích được nội dung, yếu tố, nguyên lí tạo hình tạo nên vẻ đẹp của tác phẩm theo cảm nhận riêng. M3. Phân tích và đánh giá được vẻ đẹp về ý tưởng, nội dung, hình thức thể hiện của tác phẩm mỹ thuật theo cảm nhận riêng.
Hiểu được mối liên hệ giữa mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.	M1. Kể được tên một số môn học, hoạt động giáo dục có mối liên hệ với mỹ thuật. M2. Xác định được một số môn học, hoạt động giáo dục có mối liên hệ với mỹ thuật. M3. Chỉ ra được một số kiến thức của môn học, hoạt động giáo dục có mối liên hệ với mỹ thuật có. Lấy được ví dụ để chứng minh mối liên hệ đó.	
Mỹ thuật ứng dụng		
	Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm.	M1. Nêu được một vài ý về mục đích sử dụng của sản phẩm thiết kế. M2. Phân tích được mục đích sử dụng của sản phẩm thiết kế. M3. Phân tích được mục đích và giá trị của sản phẩm thiết kế.
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ	Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.	M1. Nêu được một số giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế. M2. Phân tích được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế. M3. Phân tích được giá trị thẩm mỹ phù hợp với công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.
	Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.	M1. Nêu được một số bước cơ bản trong thực hành sáng tạo sản phẩm. M2. Chỉ ra được đầy đủ các bước trong thực hành, sáng tạo sản phẩm. M3. Trình bày được những lưu ý trong các bước thực hành tạo sản phẩm.
	Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm.	M1. Xác định được một số các loại vật liệu để tạo nên sản phẩm. M2. Lựa chọn được các vật liệu phù hợp với ý tưởng tạo sản phẩm. M3. Phối hợp được các vật liệu khác nhau trong thực hành tạo sản phẩm.
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ	Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm.	M1. Vận dụng được một số yếu tố tạo hình (chấm, nét, hình hoặc màu...) theo nguyên lí cân bằng, tương phản trên sản phẩm. M2. Vận dụng được các yếu tố tạo hình (chấm, nét, hình, màu, đậm nhạt...) theo nguyên lí cân bằng, tương phản phù hợp trên sản phẩm. M3. Vận dụng được các yếu tố tạo hình theo nguyên lí <i>cân bằng, tương phản</i> thể hiện được công năng và tính thẩm mỹ trên sản phẩm thiết kế.
	Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới.	M1. Tạo được sản phẩm đơn giản từ những đồ vật, vật liệu có sẵn. M2. Kết hợp được các đồ vật, vật liệu có sẵn tạo được sản phẩm ứng dụng. M3. Lựa chọn và kết hợp được đồ vật, vật liệu có sẵn, tạo sản phẩm mỹ thuật ứng dụng phù hợp với công năng sử dụng, có tính thẩm mỹ.

	Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hóa nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm.	M1. Lựa chọn và thể hiện được một số hình ảnh di sản văn hóa nghệ thuật trên sản phẩm thiết kế. M2. Lựa chọn và thể hiện được một số hình ảnh di sản văn hóa nghệ thuật phù hợp với ý tưởng tạo hình trên sản phẩm thiết kế. M3. Lựa chọn và thể hiện được một số hình ảnh di sản văn hóa nghệ thuật phù hợp với ý tưởng, công năng, giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.
	Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm.	M1. Trưng bày được sản phẩm cá nhân/nhóm. M2. Phối hợp cùng nhóm trong trưng bày và chia sẻ sản phẩm cá nhân/nhóm. M3. Phối hợp cùng nhóm trưng bày, chia sẻ sản phẩm phù hợp với không gian thực tế.
Phân tích và đánh giá thẩm mỹ	Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập.	M1. Phát biểu được ý kiến cá nhân về sản phẩm thiết kế. M2. Nhận xét và phân loại được sản phẩm thiết kế của cá nhân/nhóm. M3. Phân loại và đánh giá được sản phẩm cá nhân/nhóm theo tiêu chí.
	Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá.	M1. Trao đổi, thảo luận được về quy trình thực hành sáng tạo sản phẩm. M2. Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm thực hành của bạn, rút kinh nghiệm cho bản thân. M3. Đặt được câu hỏi, trả lời, chia sẻ kinh nghiệm của bản thân với bạn bè trong thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.
	Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.	M1. Chỉ ra được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình thể hiện trên sản phẩm thiết kế. M2. Phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình tạo giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế. M3. Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ thể hiện trên sản phẩm thiết kế.
	Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.	M1. Nêu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế. M2. Chia sẻ được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế. M3. Chia sẻ và phân tích được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.

2.3.2. Một số công cụ sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì

- **Câu hỏi:** là công cụ thường được GV sử dụng trong đánh giá thường xuyên. Các câu hỏi được thiết kế đa dạng tùy theo nội dung đánh giá của hoạt động dạy học. Ví dụ ở Bài 1: Chân dung bạn em (sách Cánh diều), câu hỏi ở hoạt động Hình thành kiến thức mới (đánh giá NL quan sát và nhận thức thẩm mỹ của HS): + Trình bày khái niệm tranh chân dung?; + Kể tên một số chất liệu sử dụng để vẽ tranh chân dung?; + Nhận xét đặc điểm của tranh chân dung, so sánh sự khác nhau giữa tranh chân dung với các thể loại tranh khác?; + Chỉ ra các bước vẽ tranh chân dung?; Câu hỏi ở hoạt động Luyện tập (đánh giá NL Phân tích và đánh giá thẩm mỹ của HS): + Bố cục, đường nét, màu sắc trong tranh được thể hiện như thế nào?; + Em có nhận xét gì về trạng thái cảm xúc nhân vật trong tranh?; + Em thích tranh của bạn nào? Vì sao?; + Em có nhận xét, góp ý gì cho sản phẩm của bạn?

Chia theo mức độ nhận thức, có thể sử dụng một số dạng câu hỏi sau để đánh giá NLMT của HS: + **Câu hỏi “biết”:** Em hãy nêu... (một vài đặc điểm của đồ vật, vật mẫu, đồ dùng,...)?; Em hãy liệt kê (màu sắc, đồ dùng, vật liệu,...) được sử dụng trong sáng tạo sản phẩm mỹ thuật? Em hãy xác định chủ đề, đối tượng, vị trí của đồ vật...; **Câu hỏi “hiểu”:** Em hãy chia sẻ cảm nhận, quan điểm,... về tác phẩm, sản phẩm Mỹ thuật?; Em hãy giới thiệu tác giả, tác phẩm, sản phẩm,...?; Em hãy tóm tắt giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, sự nghiệp sáng tác,...?; Em hãy giải thích cách sắp xếp bố cục, sử dụng màu sắc,...) trên tác phẩm, sản phẩm Mỹ thuật,...? Em hãy phân loại, so sánh... thể loại, hình thức,... của tác phẩm, sản phẩm Mỹ thuật?; + **Câu hỏi “Vận dụng”:** Em hãy chia sẻ ý tưởng sáng tạo sản phẩm Mỹ thuật của mình? Em hãy chia sẻ cách thức tạo ra sản phẩm Mỹ thuật của mình? Theo em, có thể thay đổi, chỉnh sửa yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình nào trên sản phẩm để tạo hiệu quả thẩm mỹ tốt hơn? Từ những nguyên vật liệu có sẵn, em có thể tạo được những sản phẩm Mỹ thuật nào? Em vận dụng sản phẩm tạo hình của mình vào cuộc sống như thế nào?

- **Thang đo:** là công cụ đo lường được sử dụng nhằm định lượng đánh giá các vấn đề trong quan sát, nghiên cứu, gồm có nhiều loại như: thang đánh giá dạng số, thang dạng đồ thị mô tả các mức độ, thang mô tả. Ví dụ: đánh giá NL sáng tạo thẩm mỹ: Khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ hoàn thành sản phẩm thực hành của HS trên lớp (trong đó: 1 - Không bao giờ hoàn thành; 2 - Hiếm khi hoàn thành; 3 - Thường xuyên hoàn thành; 4 - Luôn hoàn thành).

Họ và tên	Mức độ hoàn thành sản phẩm mỹ thuật trên lớp			
...	1	2	3	4

Ví dụ thang dạng đồ thị mô tả các mức độ: HS tham gia vào hoạt động nhận xét, đánh giá sản phẩm Mỹ thuật trên lớp như sau:

Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
---------------	----------	--------------	--------------	------------------

- *Bảng kiểm*: là một danh sách ghi lại các tiêu chí (về các hành vi, các đặc điểm... mong đợi) có được biểu hiện hoặc được thực hiện hay không. Bảng kiểm thường chỉ rõ sự xuất hiện hay không xuất hiện (có mặt hay không có mặt, được thực hiện hay không được thực hiện) các hành vi, các đặc điểm mong đợi nào đó. Ví dụ: Bảng kiểm sử dụng đánh giá NL nhận thức thẩm mỹ của HS về tranh chân dung như sau:

Bảng 2. Bảng kiểm đánh giá NL nhận thức thẩm mỹ của HS về tranh chân dung

Nội dung tìm hiểu tranh chân dung	Có	Không
Nêu được khái niệm tranh chân dung (<i>Tranh chân dung là một thể loại căn bản của hội họa, vẽ một người hay một nhóm người nào đó. Đối tượng của tranh chân dung bắt nguồn từ hình mẫu thực có từ thực tế cuộc sống, tranh không chỉ miêu tả đặc điểm ngoại hình mà còn thể hiện tính cách và tâm trạng của nhân vật qua các yếu tố ngôn ngữ tạo hình</i>).		
Kê tên được một số chất liệu vẽ tranh chân dung (<i>màu sáp, màu bột, sơn dầu,...</i>).		
Nêu được một số hình thức biểu đạt của tranh chân dung (<i>chân dung chỉ diễn tả gương mặt, chân dung bán thân, chân dung toàn thân</i>).		

- *Phiếu đánh giá theo tiêu chí*: là một bản mô tả cụ thể các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí đó về quá trình hoạt động hoặc sản phẩm học tập của HS (del Castillo, 2005). Ví dụ: Phiếu đánh giá theo tiêu chí để đánh giá sản phẩm mỹ thuật của HS trong bài tạo hình đồ chơi bằng vật liệu tái chế.

Bảng 3. Phiếu đánh giá sản phẩm mỹ thuật của HS trong bài tạo hình đồ chơi bằng vật liệu tái chế

Tiêu chí	Mức độ			
	A	B	C	D
1. Lựa chọn vật liệu, tạo dáng cho đồ chơi (40 điểm).	Lựa chọn và phối hợp được vật liệu tái chế để tạo được hình dáng sáng tạo, phù hợp với sản phẩm, đối tượng sử dụng (40 điểm).	Lựa chọn và phối hợp vật liệu tái chế để tạo được hình dáng phù hợp với sản phẩm (30 điểm).	Lựa chọn được vật liệu tái chế tạo được hình dáng tương đối phù hợp với sản phẩm (20 điểm).	Lựa chọn được vật liệu tái chế nhưng chưa tạo dáng phù hợp với sản phẩm (10 điểm).
2. Trang trí đồ chơi (30 điểm).	Lựa chọn được màu sắc và họa tiết, phối hợp được một số vật liệu khác để trang trí sản phẩm đẹp (30 điểm).	Lựa chọn được màu sắc và họa tiết trang trí phù hợp với sản phẩm (20 điểm).	Lựa chọn được màu sắc và họa tiết trang trí tương đối phù hợp với sản phẩm (15 điểm).	Chưa lựa chọn được màu sắc và họa tiết trang trí phù hợp với sản phẩm (5 điểm).
3. Ứng dụng của sản phẩm vào cuộc sống (20 điểm).	Sản phẩm có tính ứng dụng cao, thiết thực với cuộc sống (20 điểm).	Sản phẩm có tính ứng dụng vào thực tiễn (15 điểm).	Sản phẩm có tính ứng dụng vào thực tiễn nhưng còn nhiều hạn chế (10 điểm).	Sản phẩm chưa có tính ứng dụng vào thực tiễn (5 điểm).
4. Trình bày, giới thiệu sản phẩm (10 điểm).	Viết và trình bày đầy đủ thông tin về sản phẩm (10 điểm).	Viết và trình bày thông tin về sản phẩm nhưng chưa đầy đủ (8 điểm).	Viết và trình bày còn thiếu nhiều thông tin về sản phẩm (5 điểm).	Chưa viết và trình bày được thông tin về sản phẩm (0 điểm).
Điểm	100	73	50	20

- *Đề kiểm tra*: là công cụ đánh giá quen thuộc, được sử dụng trong đánh giá định kì. Sử dụng đề kiểm tra để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, NL và sự tiến bộ của HS, tại thời điểm đánh giá định kì, giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và điều chỉnh hoạt động học tập hiệu quả, giúp GV biết được sự tiến bộ và hạn chế của từng HS, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy và phương pháp hướng dẫn phù hợp. Đối với môn Mỹ thuật, xây dựng đề kiểm tra gồm bản đặc tả, nội dung đề, tiêu chí đánh giá, xếp loại. Sau đây là ví dụ về một đề kiểm tra định kì cuối học kì 2 của lớp 6.

Bảng 4. Đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ đánh giá nội dung kiểm tra giữa kì 2, lớp 6

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mạch nội dung mỹ thuật tạo hình - Nội dung: hội họa	Yếu tố và nguyên lý tạo hình Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> : - Châm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian; <i>Nguyên lý tạo hình</i> : - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hòa. Thể loại , kết hợp: - Lí luận và lịch sử mỹ thuật; - Hội họa Hoạt động thực hành và thảo luận - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Sản phẩm thực hành của HS Định hướng chủ đề - Văn hoá xã hội	Nhận biết: - Xác định được nội dung chủ đề Thông hiểu: - Biết cách sử dụng số chất liệu/vật liệu trong thực hành sáng tạo. Vận dụng: - Vận dụng được nguyên lý cân bằng và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. - Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm. Vận dụng cao: - Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế đời sống.

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2**Môn: Mĩ thuật lớp 6**

(Thời gian 45 phút)

*** Nội dung đề:****Câu 1:** Em hãy tạo sản phẩm tranh đề tài: Ngày hội quê hương.**Câu 2:** Viết một số thông tin giới thiệu về sản phẩm (tên sản phẩm, chất liệu, cách tạo sản phẩm; yếu tố và nguyên lí tạo hình được thể hiện trên sản phẩm...).*** Yêu cầu:** - Hình thức tạo hình: 2D (có thể kết hợp vẽ với in hoặc xé dán); - Chất liệu: Tự chọn; - Kích thước: 20-30 cm (tương đương khổ giấy A4).*** Tiêu chí đánh giá nội dung kiểm tra và hướng dẫn xếp loại theo mức độ đánh giá:** (1) Thể hiện được nội dung đề tài Ngày hội quê hương trên sản phẩm; (2) Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành thể hiện (vẽ/xé, dán/ kết hợp vẽ, xé, in...) trên sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương; (3) Thể hiện được việc sắp xếp một số yếu tố tạo hình; nét, hình, màu sắc, đậm nhạt... trên sản phẩm đề tài ngày hội quê hương; (4) Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương (của cá nhân/nhóm); (5) Liên hệ ứng dụng sản phẩm đề tài Ngày hội quê hương vào đời sống thực tiễn và chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước.**Xếp loại:** (1) Chưa đạt: HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí 1 và 2 trong 5 tiêu chí; (2) Đạt: HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.**3. Kết luận**

Từ việc xây dựng nguyên tắc, quy trình và xác định chuẩn NLMT của HS lớp 6 theo CTGDPT môn Mĩ thuật 2018, bài báo đề xuất xây dựng bộ công cụ đánh giá NLMT của HS, bao gồm câu hỏi, thang đo, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, đề kiểm tra. Bộ công cụ đánh giá NLMT có vai trò quan trọng trong việc phát hiện sự tiến bộ của người học và mức độ đạt được các NL đã được quy định trong mục tiêu CTGDPT môn Mĩ thuật 2018, đồng thời cung cấp thông tin phản hồi giúp cho GV điều chỉnh việc dạy và giúp HS tự cải thiện việc học của bản thân. Các công cụ đánh giá NLMT được đề xuất trong bài báo sẽ là tài liệu tham khảo cho GV trong vận dụng; thực hiện hiệu quả đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển NL HS ở trường phổ thông.

Lời cảm ơn: Bài báo là sản phẩm sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài “Xây dựng bộ công cụ kiểm tra đánh giá nhằm phát triển năng lực học sinh trong dạy học Mĩ thuật ở trường trung học cơ sở”, mã số: SPHN22-26.

Tài liệu tham khảo

- Bạch Ngọc Diệp (2023). Xây dựng và thử nghiệm Chuẩn đánh giá năng lực môn Mĩ thuật cấp trung học cơ sở trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(2), 66-71.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2020). *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán Mô đun 3: Kiểm tra, đánh giá học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất năng lực môn Mĩ thuật*.
- Bộ GD-ĐT (2022). *Tài liệu tập huấn giáo viên trung học cơ sở xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra định kì môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)*.
- del Castillo, J. A. M. (2005). Assessing the Artistic Skills and Art Works of Students Using Performance-Based Assessment Tools and Rubrics. *Alipato - A Journal of Basic Education*, 3(1), 96-111.
- Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2016). *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thị Hồng Thắm (chủ biên), Phạm Văn Tuyền, Phạm Thị Nụ (2022). *Giáo trình Lí luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật*. NXB Đại học Sư phạm
- Trần Kiều, Trần Đình Châu (đồng chủ biên), Đặng Xuân Cường, Dương Văn Hưng, Phạm Đức Tài (2016). *Đổi mới công tác đánh giá về kết quả học tập của học sinh trường trung học cơ sở*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thanh Hồng, Nguyễn Nam Phương, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Thanh Trà, Trần Bá Trình (2023). *Đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*. NXB Đại học Sư phạm.